

HIỆN TƯỢNG DI DÂN ĐẾN THÀNH PHỐ: NHẬN ĐỊNH VÀ ĐỀ XUẤT CHÍNH SÁCH

Lê Xuân Bá*

Di dân đến thành phố là hiện tượng kinh tế - xã hội mang tính quy luật trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa do sự phát triển không đồng đều giữa các vùng, miền. Việt Nam đã đạt được những thành công to lớn trong hơn 20 năm Đổi mới, đồng thời quá trình này cũng tạo ra sự chênh lệch trong phát triển giữa các vùng, đặc biệt là giữa nông thôn và thành thị, kéo theo đó là sự di chuyển hàng loạt lao động từ nông thôn vào thành phố với cường độ di cư được xếp vào loại khá cao (trên 1,3% dân số/năm). Hàng năm, các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... đều đón nhận một lượng khá lớn lao động di cư từ khu vực khác chuyển tới. Phải thừa nhận, lao động di cư có đóng góp lớn cho sự phát triển kinh tế nói chung và sự phát triển của khu vực thành phố nói riêng. Tuy nhiên, vấn đề lao động di cư cũng tạo ra nhiều sức ép cho khu vực đô thị nhất là về các vấn đề dịch vụ xã hội cơ bản và an sinh xã hội.

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng tới hiện tượng di dân đến thành phố nhưng tựu chung lại là do bị ảnh hưởng bởi lực hút ở đầu đến (thành thị) và lực đẩy ở đầu đi (nông thôn), do sự điều tiết của thị trường lao động và sự can thiệp thông qua hệ thống cơ chế, chính sách của Nhà nước.

Do di dân tới thành phố là vấn đề kinh tế - xã hội, vì vậy chính sách đối với vấn đề này cần được nhìn nhận một cách tổng hợp, có tầm nhìn dài hạn về sự phát triển

và cần một chính quyền thành phố mạnh. Di cư, nếu được quản lý tốt sẽ trở thành nhân tố tích cực cho sự phát triển của cả đô thị và nông thôn. Thời gian qua cho thấy, chính sách siết chặt quản lý lao động di cư không phải là biện pháp tối ưu mà vấn đề cơ bản là phân phối đồng đều những quyền lợi ở thành phố. Chính quyền thành phố cần có biện pháp đáp ứng những nhu cầu sống thiết yếu của người dân di cư như giúp họ tiếp cận các cơ hội về nhà ở, việc làm, dịch vụ y tế, giáo dục. Chính sách cần tập trung vào vấn đề cải thiện khả năng tiếp cận tới thông tin thị trường lao động và các dịch vụ xã hội cơ bản cho lao động nhập cư và gia đình họ. Việc thực thi các biện pháp nhằm vào việc tăng cường tiếng nói của lao động nhập cư cũng nên được chú trọng hơn để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với họ. Hoàn thiện hệ thống giao dịch trên thị trường lao động và tăng cường đầu tư về khu vực nông thôn cùng với phát triển các đô thị vị tinh là các gợi ý chính sách nhằm giải quyết bền vững hiện tượng lao động di cư tới thành phố. /.

1. Thực trạng di dân đến thành phố trong những năm gần đây ở nước ta

Đối với nước nông nghiệp đang trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa có sự phát triển mạnh mẽ của các đô thị, khu công nghiệp thì di dân đến thành

* Lê Xuân Bá, Phó giáo sư, Tiến sỹ Kinh tế, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương.

phố là một hiện tượng kinh tế - xã hội mang tính quy luật, là một đòi hỏi tất yếu khách quan trong nền kinh tế thị trường. Hiện tượng này đồng thời là biểu hiện của sự phát triển không đồng đều giữa các vùng miền của đất nước. Trước đây vấn đề di dân đến thành phố chịu sự chi phối mạnh mẽ của chế độ tuyển dụng lao động theo kế hoạch, quản lý lao động theo hộ khẩu. Việc di dân tự phát từ nông thôn đến các thành phố ở Việt Nam xuất hiện từ sau những năm đổi mới, theo đó luồng di dân do Nhà nước tổ chức đã giảm dần và luồng di dân tự do tăng lên, nhất là các luồng di dân theo hướng Bắc - Nam và nông thôn - thành thị, tới các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng và Huế.

Di chuyển dân cư nông thôn - thành thị là một hướng quan trọng phân bố lại nguồn lực giữa các ngành, các vùng, các thành phần kinh tế dưới sự tác động của các quy luật kinh tế thị trường. Theo Tổng cục Thống kê, số người di cư (từ 5 tuổi trở lên) trong cả nước thời kỳ 1994-2005 khoảng trên 12 triệu người, bằng 14,9% dân số, bình quân hàng năm số người di cư bằng 1,3% dân số² (khoảng 1,1 triệu người); trong đó di cư đến đô thị là trên 3,9 triệu người (chiếm 32%). Dòng di cư nông thôn - thành thị chủ yếu đến các thành phố lớn, KCN tập trung và đang có xu hướng tăng nhanh. Sau 11 năm, tỷ lệ người chuyển từ các tỉnh khác đến so với dân số TP. Hồ Chí Minh là 19,3%, Hà Nội là 16,5%, Bình Dương là 41% và Đồng Nai là 10%, cao hơn nhiều so với tỷ lệ trung bình của cả nước là 5,7%. Đến nay, TP. Hồ Chí Minh có gần 2,2 triệu người di cư, trong đó đi ra khỏi thành phố là 0,4 triệu, các tỉnh khác đến thành phố là 1,8 triệu người, bằng 32% dân số thành phố; lao động di cư là 1,4 triệu người, chiếm 37% lực lượng lao động của thành phố. Đồng Nai có 635 ngàn người di cư; trong đó, các tỉnh khác đến là 226,4 ngàn

người, bằng 11% dân số; lao động di cư là 160,5 ngàn người, chiếm 13% lực lượng lao động của tỉnh. Bình Dương có 478 ngàn người di cư; trong đó các tỉnh khác đến là 372,6 ngàn người, chiếm 41% lực lượng lao động của tỉnh. Trong số này, chưa kể số người từ nông thôn thường xuyên vào các thành phố buôn bán nhỏ (bán hàng rong) và những người tìm việc làm ở khu vực phi kết cấu (tại các chợ lao động) hết ngày lại trở về gia đình ở nông thôn, TP. Hồ Chí Minh trung bình có khoảng 50 ngàn người và Hà Nội có khoảng 25-30 ngàn người.

Kết quả điều tra di cư năm 2004 cho thấy, trong số lao động di cư, phần lớn (trên 60%) là lao động trẻ (15-29 tuổi); hơn 50% là di cư để tìm việc làm và 47% là để cải thiện đời sống. Đặc biệt vùng Đồng bằng sông Hồng đất chật người đông, cung cấp 19% lao động di cư đến Tây Nguyên, 18% đến TP. Hồ Chí Minh và 17% đến KCN Đông Nam Bộ. Lao động di cư về cơ bản tìm được việc làm trong các doanh nghiệp hoặc khu vực phi kết cấu, hành nghề tự do; 75% cho rằng tình trạng việc làm của họ tốt hơn rất nhiều so với trước khi di cư. Tuy mức thu nhập của lao động di cư thấp hơn lao động tại chỗ khoảng 22% nhưng cao hơn nhiều so với làm nông nghiệp; 80% nam giới và 78% nữ giới di cư cho rằng thu nhập của họ tốt hơn hoặc tốt hơn nhiều sau khi di cư và hơn 50% số lao động di cư đã gửi tiền về cho gia đình, trong đó hơn 2/3 đã gửi trên 1 triệu đồng; 47% cho rằng kỹ năng nghề nghiệp của họ được cải thiện, 40% lao động di chuyển đến Hà Nội và khu kinh tế Đông bắc cho rằng họ có cơ hội học tập, 50% lao động di cư cho rằng tình trạng sức khỏe, môi trường sống được cải thiện hơn...

Các doanh nghiệp FDI thu hút khá lớn lao động di cư. Tỷ lệ lao động ngoại tỉnh và chủ yếu là từ nông thôn trên các KCN, các doanh nghiệp FDI tăng 37,6% năm

2002 lên 39,2% năm 2003 và 44,8% năm 2004. Trong số lao động di cư thì lao động nữ chiếm trên 60% do các doanh nghiệp FDI chủ yếu kinh doanh các mặt hàng xuất khẩu phù hợp với lao động nữ (giày da, dệt may, chế biến thủy sản, lắp ráp điện tử...). Trong các doanh nghiệp FDI, tỷ lệ lao động di cư chiếm cao nhất (năm 2004) là TP. Hồ Chí Minh (53,26%), tiếp đến là Đà Nẵng (42,96%), Đồng Nai (34,58%), Hà Nội (30,26%), đặc biệt ở Đồng Nai, Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh có doanh nghiệp lao động ngoại tỉnh chiếm tới 70%. Lao động di cư, nhất là từ

khu vực nông thôn đến các KCN, các đô thị lớn, vùng kinh tế trọng điểm... góp phần quan trọng giảm sức ép về việc làm trong nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn, đồng thời đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng tăng trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

Số liệu điều tra biến động dân số, lao động, nguồn lao động và kế hoạch hóa gia đình do Tổng cục Thống kê thực hiện cho thấy tình hình di cư nông thôn - thành thị trong 12 tháng từ 1/4/2007 đến 31/3/2008 (xem bảng 1).

Bảng 1. Di cư nông thôn - thành thị trong 12 tháng, 4/2007-3/2008

Nơi cư trú vào 1/4/2008 theo độ tuổi	Tổng số người di chuyển trong 12 tháng, 4/2007-3/2008	Nơi cư trú trước khi di chuyển, 4/2007-3/2008	
		Thành thị	Nông thôn
Toàn quốc	1154996	483767	671229
0-14	174514	80312	94202
15-29	683586	249814	433772
30-59	267769	138776	128993
60+	29127	14865	14262

Nguồn: Điều tra biến động dân số, lao động, nguồn lao động và kế hoạch hóa gia đình 1/4/2008, Tổng cục Thống kê.

Trong tổng số trên 1 triệu người di cư thì khu vực thành thị chiếm gần 42% và khu vực nông thôn chiếm trên 58%, tỷ lệ di chuyển của nữ cao gần gấp 1,5 lần của nam. Trong số các địa phương thì Bình Dương là tỉnh có tỷ suất nhập cư lớn nhất (lên tới 4,23%) tiếp đến là thành phố Hồ Chí Minh (2,12%). Đặc biệt, Bình Dương cũng lại là tỉnh có tỷ suất xuất cư cao nhất (1,52%).

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến di dân tới thành phố

Di dân đến thành phố thường chịu sự tác động của nhiều yếu tố kinh tế - xã hội phức tạp, nhưng tựu trung lại là do bị ảnh

hưởng mạnh bởi lực hút ở đầu đến và lực đẩy ở đầu đi, sự điều tiết của thị trường lao động và sự can thiệp của nhà nước thông qua cơ chế, chính sách, cụ thể như sau:

a) Yếu tố lực hút của đầu đến và lực đẩy của đầu đi

Bản chất việc di dân đến thành phố là sự dịch chuyển từ vùng, ngành ít cơ hội phát triển đến vùng hoặc ngành có cơ hội phát triển tốt hơn, nhất là cơ hội việc làm và thu nhập. Theo quy luật của di dân, nơi nào có nhiều cơ hội phát triển, lực hút ở đó mạnh sẽ tác động mạnh vào hành vi dịch chuyển của lao động. Nơi

nào có cơ hội phát triển ít, phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, thì lực đẩy tạo ra sức ép dịch chuyển lao động càng lớn. Thực tế hiện nay lực hút ở khu vực thành thị và ngành nghề phi nông nghiệp ngày càng mạnh do trình độ phát triển, cơ hội việc làm với thu nhập cao và mức sống khu vực thành thị cao hơn nhiều so với khu vực nông thôn; còn lực đẩy từ khu vực nông thôn và ngành nông nghiệp ngày càng gia tăng do trình độ phát triển thấp, việc làm với năng suất và thu nhập thấp, tạo nên động cơ và sức ép chuyển dịch lao động nông thôn - thành thị. Đặc biệt đối với Việt Nam, do đang trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa với xuất phát trình độ đô thị hoá thấp, quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá diễn ra với quy mô và tốc độ nhanh, nhất là phát triển các KCN, KCX, nhu cầu lao động công nghiệp và dịch vụ tăng nhanh, trong khi lao động tại chỗ không đáp ứng kịp, nên các nhà sử dụng lao động có xu hướng tuyển dụng lao động chủ yếu là từ nông thôn (70-80%), làm tăng thêm sức hút lao động nông thôn. Hơn nữa, lao động thành thị có xu hướng nhằm vào những công việc đòi hỏi lao động qua đào tạo ở trình độ cao, lao động trí tuệ với thu nhập cao, nên một số nghề, công việc đòi hỏi lao động ở trình độ thấp, nghề nặng nhọc, không hấp dẫn được chuyển giao cho lao động nông thôn (nhất là ở khu vực phi kết cấu ở thành thị) tạo thêm lực hút lao động nông thôn di chuyển đến thành thị tìm việc làm. Những năm gần đây, lực đẩy ở nông thôn đối với lao động nông nghiệp vốn rất mạnh lại càng mạnh thêm khi người nông dân bị mất đất (tư liệu sản xuất chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp) do chuyển đổi mục đích sử dụng cho phát triển các KCN, khu đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH, thì sức ép về việc làm càng lớn, hàng triệu nông dân bị mất việc làm trong nông nghiệp, buộc họ phải chuyển

đổi nghề nghiệp sang ngành nghề phi nông nghiệp hoặc chuyển dịch ra thành phố, tìm việc làm.

b) Yếu tố điều tiết của thị trường lao động

Thị trường lao động ở Việt Nam tuy còn non trẻ nhưng tuân thủ các quy luật khách quan của thị trường, thể hiện: Người lao động được tự do lựa chọn việc làm, lựa chọn nơi làm việc, tự do di chuyển để tìm việc làm, không bị rào cản về mặt hành chính và không gian lãnh thổ; Người sử dụng lao động được tự chủ trong việc tuyển lao động theo nhu cầu của mình; Quyền tự quyết định, tự định đoạt và tự chịu trách nhiệm của các bên quan hệ lao động trong thoả thuận, thương lượng; Giá cả lao động (tiền lương, tiền công) do thị trường lao động quyết định và tự điều tiết quan hệ cung - cầu lao động. Với cơ chế hoạt động như vậy, thị trường lao động có vai trò rất lớn trong điều tiết quan hệ cung - cầu lao động, phân bổ hợp lý nguồn nhân lực, là yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình chuyển dịch lao động từ nơi thừa đến nơi thiếu lao động. Đối với nước ta, lao động dư thừa tiềm tàng chủ yếu vẫn ở khu vực nông thôn, do đó khi đẩy mạnh phát triển các KCN, phát triển các doanh nghiệp sản xuất và dịch vụ, thì theo quy luật của thị trường lao động, nguồn cung lao động cho công nghiệp và dịch vụ chủ yếu là lao động từ nông thôn. Lao động nông thôn sẽ chuyển dịch đến thành thị, làm việc trong khu vực kết cấu hoặc phi kết cấu hoặc chuyển dịch sang làm ngành nghề phi nông nghiệp tại chỗ ở nông thôn.

c) Yếu tố điều tiết của Nhà nước vào quá trình chuyển dịch lao động

Yếu tố can thiệp, điều tiết của Nhà nước vào quá trình chuyển dịch lao động là rất lớn, chủ yếu thông qua cơ chế, chính sách của Nhà nước. Sự tác động của yếu tố này được thể hiện trên các

mặt sau:

(i) Nhà nước ban hành hệ thống chính sách kinh tế vĩ mô hướng vào thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước trên cơ sở đẩy mạnh CNH, HĐH và đô thị hoá. Các chính sách này tác động mạnh đến quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá, qua đó, tạo ra nhu cầu rất lớn về lao động, tạo sức hút hấp dẫn lao động di cư tới thành phố. Các chính sách khác như chính sách khuyến khích đầu tư trong nước và FDI; chính sách khuyến khích phát triển doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa ngoài quốc doanh; chính sách đất đai, tín dụng và thuế; chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn; chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua giáo dục, đào tạo và dạy nghề là các chính sách vĩ mô tác động vào tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều việc làm và tăng tổng cầu lao động phi nông nghiệp để tạo nhu cầu thúc đẩy thu hút lao động tới đô thị.

(ii) Xây dựng và hoàn thiện thể chế, luật pháp, đặc biệt là pháp luật về lao động hướng vào tiếp tục giải phóng sức sản xuất, giải phóng sức lao động, tự do hoá trong lao động và phát triển thị trường lao động, tạo khung pháp lý và đối xử công bằng đối với các loại lao động, đảm bảo quyền tự do thuê mướn lao động, tự do di chuyển lao động và hành nghề cho mọi người lao động.

(iii) Chính sách hỗ trợ và xử lý những rủi ro trong kinh tế thị trường và rủi ro xã hội khác cho người lao động di chuyển, nhất là chính sách thị trường lao động tích cực và thụ động để hỗ trợ người thất nghiệp, mất việc làm, chính sách an sinh xã hội (BHXH, BHYT, BH thất nghiệp...), chính sách hỗ trợ dạy nghề và tạo việc làm cho thanh niên, nhất là nông thôn vùng bị thu hồi đất cho phát triển KCN, khu đô thị và xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH...

(iv) Các chương trình mục tiêu quốc

gia, nhất là chương trình mục tiêu về dạy nghề, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo... ưu tiên cho nông thôn, góp phần thúc đẩy phân công lại lao động, chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng CNH, HĐH và hội nhập.

3. Khó khăn của lao động di cư tới thành phố

Lao động di cư từ nông thôn ra thành thị, đến các KCN tập trung, vùng kinh tế trọng điểm tìm việc làm ngày càng tăng, song chất lượng lao động rất thấp, hầu hết lao động chưa qua đào tạo nghề. Khi tuyển vào các doanh nghiệp, số lao động di cư phải được đào tạo nhưng chỉ được đào tạo nghề ngắn hạn, theo hình thức kèm cặp, nên không có chứng chỉ nghề và thời gian đầu phần lớn chỉ được ký hợp đồng lao động ngắn hạn với mức tiền lương thấp, khó đủ chi phí trang trải cuộc sống và tích lũy gửi về gia đình, trong khi đó cường độ lao động rất cao nên rất dễ phát sinh tranh chấp lao động, đình công. Số lao động di cư khác tìm việc làm tự do chỉ có khả năng tham gia thị trường lao động bậc thấp, khu vực phi kết cấu, việc làm không ổn định, thu nhập cũng thấp và có nhiều rủi ro, mặt khác hình thành các chợ lao động tự phát ở cửa ngõ các thành phố rất phức tạp.

Lao động di cư còn mang nhiều đặc điểm, thói quen, tác phong làm việc của người nông dân, thích tự do, ý thức kỷ luật công nghệ, kỷ luật lao động yếu kém, rất khó thích nghi với tác phong công nghiệp, môi trường làm việc cường độ cao và công nghệ cao; rất dễ phát sinh tranh chấp lao động và đình công tự phát. Số lao động trẻ từ nông thôn ra khả năng thích ứng thị trường lao động thành thị tốt hơn lao động lớn tuổi (trên 35 tuổi) nhưng do không có trình độ tay nghề nên gặp rất nhiều khó khăn trong tìm kiếm việc làm mới với thu nhập cao, ở khu vực chính thức (khu vực kết cấu).

Bảng 2. Dân số KT4³ của thành phố Hồ Chí Minh theo nhóm học vấn và nhóm tuổi

Tuổi	Đi học	Không đi học	Chưa từng đi học	Tổng
<5	0	0	3535	3535
6-14	20732	5809	809	27350
15-29	87977	508615	2216	598808
30+	2322	190377	3890	196589
Không biết	0	306	0	306
Tổng	111031	705107	6915	823053

Nguồn: Điều tra dân số giữa kỳ 2004, Cục Thống kê TP Hồ Chí Minh (2005).

Vấn đề xã hội của lao động di cư nổi lên khá gay gắt. Kết quả điều tra di cư Việt Nam năm 2004 cho thấy 80% lao động di cư chỉ đăng ký tạm trú, không có hộ khẩu, kéo theo đó là các khó khăn về tiếp cận nhà ở, học tập cho con cái, chữa bệnh và các phúc lợi xã hội khác. Gần ½ số người di cư trả lời rằng họ có khó khăn sau khi chuyển đến nơi ở mới (riêng Tây Nguyên 80% trả lời là khó khăn, Hà Nội từ 25-31%...); 1/3 trả lời có khó khăn về nguồn thu nhập và tình trạng nhà ở xấu hơn trước (TP. Hồ Chí Minh là 52%); khoảng ½ trả lời tình trạng sức khoẻ kém đi sau khi chuyển đến; khoảng 20% con em lao động di cư không đi học; 87% người di cư ở Hà Nội không tham gia đoàn thể xã hội nào. Đặc biệt, vấn đề xã hội của lao động di cư đến các KCN rất bức xúc, do phát triển các KCN không gắn với giải quyết các vấn đề xã hội và phúc lợi xã hội ngoài KCN, nhất là vấn đề nhà ở, văn hoá, vui chơi giải trí... Kết quả khảo sát cho thấy, người lao động di cư sống ở xung quanh các KCN có đời sống văn hoá xã hội rất thấp.

Một bộ phận lao động di cư nông thôn - thành thị rơi vào con đường tệ nạn xã hội, đặc biệt là tệ nạn nghiện hút, mại dâm. Theo kết quả điều tra, trong số đối tượng tệ nạn xã hội này nhiều người là lao động di cư từ nông thôn ra thành thị.

4. Một số kiến nghị hoàn thiện chính sách đối với vấn đề lao động di cư tới thành phố

Di dân tới thành phố diễn biến ngày càng đa dạng, phức tạp và có xu hướng tiếp tục gia tăng về quy mô, cần phải có nhận thức đúng vai trò của việc di dân do đây là vấn đề kinh tế - xã hội rất phức tạp. Vì vậy, thiết kế chính sách cho vấn đề này cần đặc biệt lưu ý một số nội dung sau:

(i) Mặc dù nhiều người di cư vào thành phố là những người nghèo và phải chịu nhiều thiệt thòi, thiếu phương tiện tự bảo vệ, nhưng bất chấp hoàn cảnh khó khăn mà họ phải đối mặt tại đô thị thì những cư dân mới này vẫn cố bám trụ. Vì thế, tốt nhất là chính quyền nên tận dụng những cơ hội cũng như trực tiếp đối mặt với nguy cơ do vấn đề di dân mang lại. Việc di cư nếu được quản lý tốt sẽ là nhân tố tích cực cho sự phát triển của đô thị cũng như nông thôn. Do đó cần những nhà lập chính sách có tầm nhìn dài hạn và một chính quyền thành phố mạnh.

(ii) Giải pháp thường thấy tại các tỉnh thành phải đối mặt với luồng nhập cư lớn là áp dụng các quy định quản lý người nhập cư chặt chẽ. Tuy nhiên, việc lựa chọn chính sách này không phải là một công cụ hiệu quả để giải quyết vấn đề di cư vào thành phố. Chính quyền cần quản lý lao

động di cư chặt chẽ sẽ càng làm xấu đi tình trạng của lao động nhập cư, đặc biệt là không giải quyết được triệt để gốc rễ của vấn đề mà còn trực tiếp ảnh hưởng tới sự phát triển và tương lai của thành phố. Vì vậy, vấn đề cơ bản là phân phối đồng đều những quyền lợi ở thành phố chứ không phải nới rộng khoảng cách giữa người giàu và người nghèo. Chính quyền thành phố phải có biện pháp đáp ứng những nhu cầu sống thiết yếu của người dân di cư như giúp họ tiếp cận các cơ hội về nhà ở, việc làm, dịch vụ y tế, giáo dục.

(iii) Các chính sách quản lý lao động nhập cư xiết chặt được xây dựng dựa trên lập luận cho rằng lao động nhập cư thường là đi kèm với các gánh nặng khác cho các dịch vụ xã hội cũng như là làm tăng thêm tính nghiêm trọng của các vấn đề xã hội đang diễn ra. Cách đặt vấn đề như vậy không thể cho thấy đóng góp tích cực của lao động nhập cư tới sự phát triển của tỉnh thành nơi họ di chuyển đến. Bên cạnh đó, đối xử không công bằng sẽ mang lại các hậu quả về mặt dài hạn đối với lao động bị phân biệt đối xử - là những lao động thứ cấp và có ít cơ hội thăng tiến. Vì vậy, một chính sách quản lý lao động nhập cư xiết chặt có thể làm trầm trọng thêm vấn đề nghèo đói kinh niên và các vấn đề xã hội khác. Chính sách cần tập trung vào vấn đề cải thiện khả năng tiếp cận tới thông tin thị trường lao động và các dịch vụ xã hội cơ bản như giáo dục và y tế cho lao động nhập cư và gia đình họ. Việc thực thi các biện pháp nhằm vào việc tăng cường tiếng nói của lao động nhập cư cũng nên được chú trọng hơn để xóa bỏ sự phân biệt đối xử với họ.

(iv) Hoàn thiện hệ thống giao dịch trên thị trường lao động. Khi thị trường lao động tham gia vào điều tiết quan hệ cung - cầu lao động, thường thông qua các giao dịch. Về bản chất giao dịch trên thị

trường lao động là hoạt động để nối cung - cầu lao động (thông tin thị trường lao động, tư vấn, giới thiệu việc làm, cung ứng lao động...). Hoạt động giao dịch này có thể là trực tiếp hoặc gián tiếp (thông qua các trung tâm giới thiệu việc làm, hội chợ việc làm, các Website tìm việc làm trên Internet, thông tin quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng...). Phát triển hệ thống giao dịch sẽ là công cụ, phương tiện cung cấp các dịch vụ thuận lợi cho người lao động, nhất là lao động nông thôn chuyển dịch đến nơi có nhu cầu, chủ yếu là khu vực thành thị và trong các ngành phi nông nghiệp đang ngày càng phát triển.

(vi) Nhà nước nên đầu tư nhiều hơn về nông thôn và phát triển các thành phố vệ tinh để tránh sự tăng trưởng quá nhanh của các thành phố lớn, giảm chênh lệch phát triển giữa các vùng, miền trong cả nước.

Nên có chính sách hữu hiệu để thu hút doanh nghiệp về khu vực nông thôn, vừa tạo điều kiện phát triển kinh tế nông thôn, vừa sử dụng được lao động tại chỗ, thực hiện được phương châm "ly nông bất ly hương", góp phần giảm bớt sự quá tải do vấn đề di dân gây ra tại các thành phố lớn./.

¹ Trong bài viết này chỉ giới hạn di dân tự nguyện đến thành phố, không bao gồm các loại hình di cư mang tính ép buộc, tái định cư, di dời cư trú do thiên tai...

² Đối với Việt Nam, cường độ di cư 1,3% dân số/năm được xếp vào loại khá cao.

³ KT4 là ký hiệu chỉ dân nhập cư từ địa phương khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ADB (2006), *Nghiên cứu về phân đoạn thị trường lao động và chính sách giảm nghèo*.
- Đặng Nguyên Anh (2009), *Di dân và phát triển ở Việt Nam: Những vấn đề nổi bật cần xem xét về chính sách*, Tài liệu hội thảo về Di dân, phát triển và giảm nghèo.
- Lê Xuân Bá (2009), *Nghiên cứu dự báo*

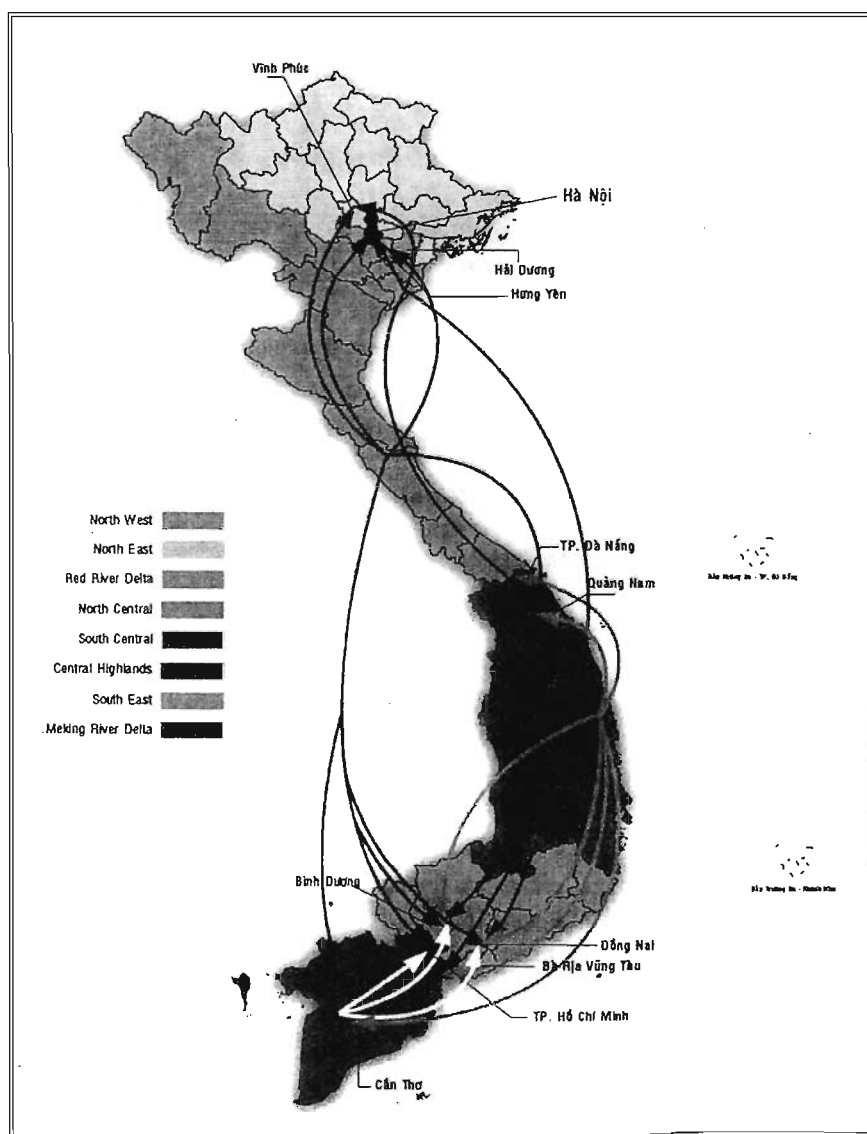
chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn và các giải pháp giải quyết việc làm trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa ở nước ta. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp nhà nước KX.02.01/06-10.

- Lê Xuân Bá và Lưu Đức Khải (2009), "Một số giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nông thôn Việt Nam", *Tạp chí Kinh tế*

và Dự báo.

- Nguyễn Thanh Liêm (2009), *Di dân thanh niên, đô thị hóa và phát triển ở Việt Nam*, Tài liệu hội thảo về Di dân, phát triển và giảm nghèo.
- Tổng cục Thống kê (2009), Điều tra biến động dân số, nguồn lao động và kế hoạch hóa gia đình 1/4/2008: Những kết quả chủ yếu.

Phụ lục. Các luồng di cư đến khu công nghiệp, khu chế xuất



Nguồn: PGS.TS. Đặng Nguyên Anh - Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.